

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 02 - 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Đồng Nhân.

+ Bà Phan Thị Trang Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lư Thị T, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp 5, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2018 và bản tự khai ngày 01 tháng 02 năm 2019, nguyên đơn bà Lư Thị T trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Năm 2000 bà T và ông H có thời gian tìm hiểu và tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì không am hiểu pháp luật.

Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại khóm 8, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Thời gian qua, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông H có tính gia trưởng, thường xuyên đánh đập và nhiều lần xúc phạm danh dự nhân phẩm bà T, sự việc được gia đình hai bên khuyên can nhưng ông H không sửa đổi tính tình.

Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà Lu Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh H.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên;
- + Trịnh Hoàn H, sinh năm ngày 08 tháng 08 năm 2001 (nam);
- + Trịnh H M, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2013 (nam) .

Hiện nay cháu H đang sống chung với ông H, cháu M đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T tự thỏa thuận việc nuôi con chung và cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trịnh Minh H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà T yêu cầu ly hôn; Đồng thời Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H vắng mặt 02 lần không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà T và ông H vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Lu Thị T yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh H, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông H cư trú tại khóm 8, thị trấn N, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lu Thị T có đơn xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 2), yêu cầu xét xử vắng mặt vụ án ly hôn vì lý do gia đình neo đơn, hiện nay đang làm nghề buôn bán nên không thể có mặt thường xuyên tại Tòa án, yêu cầu này của bà T là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Trịnh Minh H đã được Tòa án thông báo hợp lệ 02 lần tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trịnh Minh H.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Bà Lư Thị T và ông Trịnh Minh H có thời gian tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 2000, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông H có tính gia trưởng, thường xuyên đánh đập, nhiều lần xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà T, sự việc được gia đình hai bên khuyên can nhưng ông H không sửa đổi tính tình. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T và ông H chung sống với nhau mà không đi đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lư Thị T và ông Trịnh Minh H.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 207, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lư Thị T và ông Trịnh Minh H.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch bà Lư Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 04 tháng 12 năm 2018, bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016214 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền